

UBND PHƯỜNG TRẦN BIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

DANH SÁCH ĐIỂM VÒNG 2
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Vị trí dự tuyển	Điểm thực hành	Diện ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm
1	Hà Thị Phương Chi	15/2/1990	001	GV Mầm non	63.25			63.25
2	Đậu Thị Diễm	10/11/1996	002	GV Mầm non	58.50			58.50
3	Lại Thị Thu Đào	05/05/1983	003	GV Mầm non	53.75			53.75
4	Nguyễn Thị Kim Đồng	4/9/1996	004	GV Mầm non	59.00			59.00
5	Phan Thu Hà	27/05/1992	005	GV Mầm non	56.00			56.00
6	Trần Thị Thu Hà	06/10/2003	006	GV Mầm non	64.50			64.50
7	Hồ Thị Đào Hiếu	10/4/1996	007	GV Mầm non	52.25			52.25
8	Đoàn Thị Mỹ Hồng	02/10/2001	008	GV Mầm non	55.25			55.25
9	Lê Thị Huệ	15/01/1993	009	GV Mầm non	58.50			58.50
10	Mai Ngọc Huyền	01/01/1993	010	GV Mầm non	60.50			60.50
11	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	02/01/2003	011	GV Mầm non	56.25			56.25
12	Lê Thị Lương	16/5/1996	012	GV Mầm non	55.00			55.00
13	Phạm Hải My	12/03/2004	013	GV Mầm non	53.00			53.00
14	Nguyễn Thị Ngọc	17/09/1991	014	GV Mầm non	71.50			71.50
15	Dương Thị Nhi	29/09/2001	015	GV Mầm non	57.75			57.75
16	Phạm Thị Thảo Nhi	09/08/2003	016	GV Mầm non	60.25			60.25
17	Nguyễn Thị Quyên	16/04/1981	017	GV Mầm non	60.75			60.75
18	Phạm Thị Thom	05/09/1999	019	GV Mầm non	51.75			51.75
19	Vũ Thị Thư	17/02/1992	020	GV Mầm non	56.25			56.25
20	Nguyễn Thị Minh Thúy	14/8/1991	022	GV Mầm non	51.75			51.75
21	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	06/09/1996	023	GV Mầm non	53.75			53.75
22	Võ Thị Trang	18/06/1994	024	GV Mầm non	53.00			53.00
23	Lê Thị Hoàng Yến	18/07/1983	025	GV Mầm non	55.75			55.75
24	Nguyễn Huỳnh An	27/08/2003	026	GV Tiểu học	63.00			63.00
25	Nguyễn Thị Thùy An	13/04/1997	027	GV Tiểu học	85.00			85.00
26	Võ Thuý An	04/10/2003	028	GV Tiểu học	79.00			79.00
27	Phạm Thị Tuyết Anh	20/05/2003	029	GV Tiểu học	93.00			93.00
28	Nguyễn Thị Quế Anh	30/11/2002	030	GV Tiểu học	75.50			75.50
29	Nguyễn Thị Quế Anh	19/02/2003	031	GV Tiểu học	79.25			79.25
30	Lê Quỳnh Anh	09/02/2002	032	GV Tiểu học	55.50			55.50
31	Hoàng Lan Anh	06/12/2001	033	GV Tiểu học	72.00			72.00
32	Trần Ngọc Anh	09/07/1984	034	GV Tiểu học	52.00			52.00
33	Dương Minh Anh	02/09/2003	035	GV Tiểu học	84.50			84.50
34	Nguyễn Ngọc Anh	18/09/2003	036	GV Tiểu học	72.50			72.50
35	Nguyễn Phương Anh	29/06/2001	037	GV Tiểu học	74.50			74.50
36	Phạm Hoàng Mỹ Anh	09/04/2002	038	GV Tiểu học	69.00			69.00
37	Trần Lê Ngọc Anh	16/07/2003	039	GV Tiểu học	69.25			69.25
38	Nguyễn Thị Lan Anh	26/09/2003	040	GV Tiểu học	77.50			77.50

39	Nguyễn Thị Vân Anh	14/02/2003	041	GV Tiểu học	49.00			49.00
40	Trần Thanh Bình	04/09/2000	042	GV Tiểu học	78.00			78.00
41	Nguyễn An Bình	20/02/2003	043	GV Tiểu học	62.00			62.00
42	Đào Mộng Cầm	09/05/2001	044	GV Tiểu học	73.50			73.50
43	Nguyễn Thị Cầm	13/06/1990	045	GV Tiểu học	69.00			69.00
44	Đinh Hoàng Linh Chi	14/05/2002	046	GV Tiểu học	52.00			52.00
45	Lý Ái Chi	27/02/2003	047	GV Tiểu học	63.50			63.50
46	Nguyễn Thị Thùy Dung	18/09/1990	048	GV Tiểu học	72.50			72.50
47	Đỗ Phương Dung	12/10/2002	049	GV Tiểu học	73.50			73.50
48	Nguyễn Thuý Duyên	19/02/2001	050	GV Tiểu học	64.00			64.00
49	Bùi Nguyễn Hương Duyên	03/03/2002	051	GV Tiểu học	83.25			83.25
50	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	01/01/1987	052	GV Tiểu học	55.50	ĐTUT 2	5.0	60.50
51	Võ Huỳnh Thục Đoan	29/10/2001	053	GV Tiểu học	64.00			64.00
52	Lê Thị Quỳnh Giang	22/11/2001	055	GV Tiểu học	76.50			76.50
53	Nguyễn Thu Giang	30/03/2000	056	GV Tiểu học	62.00			62.00
54	Hoàng Thị Hương Giang	02/04/1996	057	GV Tiểu học	79.75			79.75
55	Đào Hương Giang	17/01/2003	058	GV Tiểu học	66.50			66.50
56	Đào Ngọc Quỳnh Giang	22/11/2002	059	GV Tiểu học	73.50			73.50
57	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	28/03/2003	060	GV Tiểu học	69.50			69.50
58	Lê Thanh Hà	17/12/2003	061	GV Tiểu học	95.00			95.00
59	Trần Thị Thanh Hà	03/10/1996	062	GV Tiểu học	69.50			69.50
60	Phan Thị Thu Hà	13/03/2003	063	GV Tiểu học	61.50			61.50
61	Đào Thu Hà	17/10/2002	064	GV Tiểu học	75.00			75.00
62	Bùi Nguyễn Thu Hà	18/10/2003	065	GV Tiểu học	64.00			64.00
63	Đặng Thị Như Hào	03/03/2003	066	GV Tiểu học	64.00			64.00
64	Phùng Thanh Hằng	04/06/2003	067	GV Tiểu học	68.50			68.50
65	Phạm Thị Thu Hằng	21/11/2001	069	GV Tiểu học	74.75			74.75
66	Ngô Nguyễn Ngọc Hân	19/11/2002	070	GV Tiểu học	64.00			64.00
67	Võ Nguyễn Kim Hân	20/9/2003	071	GV Tiểu học	50.50			50.50
68	Phạm Gia Bảo Hân	4/10/2002	072	GV Tiểu học	51.75			51.75
69	Nguyễn Thị Thúy Hiền	21/08/2003	073	GV Tiểu học	65.00			65.00
70	Phan Lê Thảo Hiền	14/09/2003	075	GV Tiểu học	80.50			80.50
71	Âu Thị Thanh Hiền	20/09/2003	076	GV Tiểu học	65.00			65.00
72	Phạm Hồng Hoa	04/10/2003	077	GV Tiểu học	63.00			63.00
73	Bùi Thị Biển Hồ	28/11/1993	078	GV Tiểu học	56.00			56.00
74	Võ Lê Gia Huy	03/12/2002	079	GV Tiểu học	82.25			82.25
75	Trần Thúy Huyền	05/03/2002	080	GV Tiểu học	77.50			77.50
76	Bùi Thị Huyền	22/01/1996	081	GV Tiểu học	79.25			79.25
77	Đinh Thị Cẩm Huyền	15/12/2003	082	GV Tiểu học	64.00			64.00
78	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	06/03/2003	083	GV Tiểu học	65.50			65.50
79	Phùng Thị Linh	01/02/2003	085	GV Tiểu học	67.75			67.75
80	Lê Vũ Thủy Linh	06/12/2003	086	GV Tiểu học	64.00			64.00
81	Đặng Thị Phương Linh	16/09/1998	087	GV Tiểu học	61.75			61.75
82	Trần Thái Phương Linh	17/12/2003	088	GV Tiểu học	68.75			68.75

83	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/02/2001	089	GV Tiểu học	71.00			71.00
84	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/06/2003	090	GV Tiểu học	54.75			54.75
85	Nguyễn Thị Kim Loan	28/06/1986	091	GV Tiểu học	56.50			56.50
86	Nguyễn Phạm Thanh Loan	22/05/1997	092	GV Tiểu học	42.50			42.50
87	Nguyễn Ngọc Cẩm Ly	14/06/2001	093	GV Tiểu học	53.50			53.50
88	Trần Thị Ly	03/09/2000	094	GV Tiểu học	74.00			74.00
89	Nguyễn Thị Hương Ly	19/11/2002	095	GV Tiểu học	62.50			62.50
90	Trần Thị Ngọc Mai	03/12/2001	096	GV Tiểu học	61.50			61.50
91	Nguyễn Ngọc Tuyết Mai	10/10/2001	098	GV Tiểu học	60.50			60.50
92	Nguyễn Thị Ngọc Mai	17/08/2003	099	GV Tiểu học	73.00			73.00
93	Trần Thị Phương Mai	22/01/1997	100	GV Tiểu học	77.00			77.00
94	Phạm Hồng Mi	25/11/2002	101	GV Tiểu học	84.50			84.50
95	Bùi Huyền Thảo Mi	02/11/2002	102	GV Tiểu học	73.00			73.00
96	Phạm Thị Thùy Min	22/07/1992	103	GV Tiểu học	96.00			96.00
97	Đào Ngọc Diễm My	11/10/2002	104	GV Tiểu học	62.00			62.00
98	Lê Thị Thanh Nga	01/05/1986	105	GV Tiểu học	57.50			57.50
99	Trần Thanh Ngân	19/10/2001	106	GV Tiểu học	83.50			83.50
100	Nguyễn Chu Khánh Ngân	06/12/2002	107	GV Tiểu học	89.50			89.50
101	Nguyễn Hoàng Phương Ngân	16/08/2002	108	GV Tiểu học	83.00			83.00
102	Lê Đoàn Thanh Ngân	29/08/2003	110	GV Tiểu học	62.75			62.75
103	Lê Hồng Ngọc	23/10/2002	111	GV Tiểu học	64.00			64.00
104	Phạm Thị Bích Ngọc	15/03/2002	112	GV Tiểu học	81.00			81.00
105	Phan Châu Kim Ngọc	20/4/2003	113	GV Tiểu học	79.00			79.00
106	Chu Nguyễn Xuân Ngọc	12/10/2002	114	GV Tiểu học	65.00			65.00
107	Phạm Thị Thảo Nguyên	24/02/1992	115	GV Tiểu học	71.50			71.50
108	Lương Ngọc Kim Nguyên	19/10/2001	116	GV Tiểu học	86.00			86.00
109	Đỗ Nguyễn Khôi Nguyên	02/02/2003	117	GV Tiểu học	59.00			59.00
110	Trần Phan Thanh Nhã	18/03/2003	118	GV Tiểu học	53.50			53.50
111	Nguyễn Ngọc Tâm Nhi	17/06/2001	120	GV Tiểu học	73.75			73.75
112	Lê Bùi Yến Nhi	03/07/2003	121	GV Tiểu học	50.00			50.00
113	Lưu Ngọc Yến Nhi	15/05/2002	122	GV Tiểu học	81.00			81.00
114	Bùi Thị Hồng Nhung	25/09/2003	123	GV Tiểu học	73.75			73.75
115	Lê Thị Hồng Nhung	28/07/2000	124	GV Tiểu học	79.00			79.00
116	Trần Ngọc Ánh Như	25/11/2003	125	GV Tiểu học	74.25			74.25
117	Lê Ngọc Quỳnh Như	06/10/2003	126	GV Tiểu học	72.25			72.25
118	Lê Gia Như	07/09/1999	127	GV Tiểu học	75.00			75.00
119	Nguyễn Ngọc Tuyết Như	01/07/2002	128	GV Tiểu học	56.50			56.50
120	Phạm Trần Ngọc Như	9/3/2003	129	GV Tiểu học	73.50			73.50
121	Bùi Thị Kiều Oanh	30/07/2003	130	GV Tiểu học	69.50			69.50
122	Phạm Thị Lâm Oanh	31/10/2002	131	GV Tiểu học	85.00			85.00
123	Nguyễn Thị Thanh Phương	26/10/2000	132	GV Tiểu học	73.00			73.00
124	Nguyễn Ngọc Diễm Phương	20/02/1999	133	GV Tiểu học	71.00			71.00
125	Lê Thanh Phương	7/9/2001	134	GV Tiểu học	85.25			85.25
126	Bùi Thúy Phương	13/12/2003	135	GV Tiểu học	65.75			65.75

127	Nguyễn Ngọc Phượng	10/10/2003	136	GV Tiểu học	84.63			84.63
128	Nguyễn Minh Quang	26/05/2003	137	GV Tiểu học	54.00			54.00
129	Nguyễn Đoàn Thái Quang	11/12/2000	138	GV Tiểu học	70.50			70.50
130	Trương Thị Diễm Quỳnh	24/01/2003	139	GV Tiểu học	76.50			76.50
131	Phạm Trần Diễm Quỳnh	14/12/2003	140	GV Tiểu học	82.25			82.25
132	Hoàng Thị Như Quỳnh	26/11/1998	141	GV Tiểu học	60.25			60.25
133	Ngô Thị Xuân Quỳnh	29/08/2003	142	GV Tiểu học	70.75			70.75
134	Phan Ngọc Như Quỳnh	21/03/2001	143	GV Tiểu học	76.75			76.75
135	Nguyễn Phan Như Quỳnh	29/05/2003	145	GV Tiểu học	60.50			60.50
136	Đoàn Thu Thảo	10/09/2002	147	GV Tiểu học	79.50			79.50
137	Trần Ngọc Phương Thảo	10/07/2002	149	GV Tiểu học	57.00			57.00
138	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	14/05/1999	150	GV Tiểu học	71.00			71.00
139	Phạm Thị Thu Thảo	18/03/2003	151	GV Tiểu học	69.00			69.00
140	Đàm Phương Thảo	11/11/2001	152	GV Tiểu học	76.00			76.00
141	Tạ Thiên Thảo	29/03/2003	153	GV Tiểu học	82.50			82.50
142	Phạm Thị Thu Thảo	09/05/2003	155	GV Tiểu học	72.50			72.50
143	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/10/2002	156	GV Tiểu học	62.75			62.75
144	Phạm Thu Thảo	22/8/2002	157	GV Tiểu học	83.50			83.50
145	Trần Anh Thi	15/7/2003	158	GV Tiểu học	70.75			70.75
146	Võ Kim Thoa	14/06/2000	159	GV Tiểu học	71.25			71.25
147	Hoàng Đặng Kim Thúy	26/05/2002	160	GV Tiểu học	76.00			76.00
148	Nguyễn Thị Thanh Thúy	26/05/2001	161	GV Tiểu học	54.50			54.50
149	Hồ Trần Thanh Thúy	22/10/2002	162	GV Tiểu học	64.50			64.50
150	Nguyễn Ngọc Thanh Thủy	23/03/2003	163	GV Tiểu học	60.00			60.00
151	Nguyễn Thu Thủy	13/04/2003	164	GV Tiểu học	70.00			70.00
152	Nguyễn Hoàng Anh Thư	16/06/2003	165	GV Tiểu học	72.50			72.50
153	Trần Ngọc Anh Thư	04/12/2003	166	GV Tiểu học	75.75			75.75
154	Nguyễn Thị Ngọc Thư	31/05/2002	167	GV Tiểu học	75.50			75.50
155	Phạm Hồng Minh Thư	06/09/2003	168	GV Tiểu học	56.25			56.25
156	Huỳnh Ngọc Minh Thư	21/05/2003	169	GV Tiểu học	58.25			58.25
157	Phan Quý Tiên	23/06/2003	173	GV Tiểu học	79.75			79.75
158	Nguyễn Phương Trang	03/03/2003	174	GV Tiểu học	88.75			88.75
159	Vũ Thị Hà Trang	10/11/2001	175	GV Tiểu học	70.00			70.00
160	Trần Thị Thu Trang	27/12/2003	176	GV Tiểu học	71.75			71.75
161	Phạm Thị Huyền Trang	26/11/1988	177	GV Tiểu học	57.25			57.25
162	Đặng Thị Thu Trang	09/06/2000	178	GV Tiểu học	75.25			75.25
163	Trần Thị Minh Trang	28/02/1996	179	GV Tiểu học	84.00			84.00
164	Vũ Thị Bích Trâm	10/02/1994	180	GV Tiểu học	59.50			59.50
165	Hoàng Thị Bích Trâm	20/06/2000	181	GV Tiểu học	56.00			56.00
166	Bùi Ngọc Bảo Trâm	19/11/2000	182	GV Tiểu học	73.00			73.00
167	Trần Thị Ngọc Trâm	20/10/2000	183	GV Tiểu học	70.00			70.00
168	Mai Thủy Mộng Trinh	18/12/2002	184	GV Tiểu học	73.50			73.50
169	Ngô Thị Thảo Trinh	24/08/2002	185	GV Tiểu học	76.50			76.50
170	Trương Kiều Mỹ Trinh	01/10/2003	186	GV Tiểu học	67.00			67.00

171	Nguyễn Thị Trinh	10/11/1991	187	GV Tiểu học	63.50			63.50
172	Đinh Võ Anh Tú	13/04/2003	188	GV Tiểu học	55.50			55.50
173	Nguyễn Ngọc Diễm Tuyền	23/05/2002	190	GV Tiểu học	46.00			46.00
174	Nguyễn Bá Tư	23/05/1988	191	GV Tiểu học	55.75	ĐTU'T 2	5.0	60.75
175	Ngô Thị Ngọc Vân	18/01/2002	192	GV Tiểu học	54.75			54.75
176	Lê Tường Vân	20/10/2003	193	GV Tiểu học	61.25			61.25
177	Lê Trần Tường Vy	31/05/2000	194	GV Tiểu học	67.25			67.25
178	Hà Lê Thanh Vy	18/12/2002	195	GV Tiểu học	78.50			78.50
179	Nguyễn Phương Vy	30/1/2001	196	GV Tiểu học	77.50			77.50
180	Trương Lê Vy	24/03/2000	197	GV Tiểu học	71.50			71.50
181	Nguyễn Thị Thanh Xuân	25/03/2002	198	GV Tiểu học	92.50			92.50
182	Nguyễn Lý Như Ý	10/2/2003	199	GV Tiểu học	63.00			63.00
183	Nguyễn Phi Yên	28/06/2003	200	GV Tiểu học	72.00			72.00
184	Phạm Tiêu Yên	02/06/2002	201	GV Tiểu học	83.00			83.00
185	Đặng Thị Kim Yên	01/01/2000	202	GV Tiểu học	68.50			68.50
186	Nguyễn Trúc Anh	30/8/2001	203	GV Tiểu học - Tiếng Anh	73.50			73.50
187	Nguyễn Thị Thùy Dương	26/11/2001	204	GV Tiểu học - Tiếng Anh	65.13			65.13
188	Dương Thị Thúy Hằng	06/03/1999	205	GV Tiểu học - Tiếng Anh	74.50			74.50
189	Đoàn Khánh Phi Hùng	18/01/2002	206	GV Tiểu học - Tiếng Anh	70.25			70.25
190	Nguyễn Kim Khuê	29/12/1995	207	GV Tiểu học - Tiếng Anh	72.00			72.00
191	Phan Lê Việt Nhật	26/10/2003	208	GV Tiểu học - Tiếng Anh	65.50			65.50
192	Lê Thị Hồng Nhung	13/05/1980	209	GV Tiểu học - Tiếng Anh	61.50			61.50
193	Nguyễn Minh Thảo	29/01/2003	211	GV Tiểu học - Tiếng Anh	60.75			60.75
194	Lương Xuân Thảo	20/02/1996	212	GV Tiểu học - Tiếng Anh	57.75			57.75
195	Đỗ Thanh Nhã Uyên	30/10/1997	213	GV Tiểu học - Tiếng Anh	78.25			78.25
196	Phương Đàm Minh Anh	19/05/2002	214	GV THCS - Ngữ văn	55.75			55.75
197	Nguyễn Thị Linh Chi	02/07/2000	215	GV THCS - Ngữ văn	66.75			66.75
198	Đoàn Ngọc Quỳnh Chi	16/09/2002	216	GV THCS - Ngữ văn	81.00			81.00
199	Lê Cẩm Giang	19/06/1999	217	GV THCS - Ngữ văn	82.50			82.50
200	Phạm Thu Huệ	8/5/1997	218	GV THCS - Ngữ văn	28.00			28.00
201	Phạm Nguyễn Dung Huyền	27/01/2003	219	GV THCS - Ngữ văn	83.00			83.00
202	Trương Ngọc Kim Khánh	14/06/2003	220	GV THCS - Ngữ văn	85.75			85.75
203	Đỗ Tuấn Kiệt	13/02/2003	221	GV THCS - Ngữ văn	47.00			47.00

204	Lê Thị Thuý Ngân	9/1/2002	222	GV THCS - Ngữ văn	39.50			39.50
205	Trịnh Thanh Nhân	9/5/2003	223	GV THCS - Ngữ văn	81.25			81.25
206	Trần Ánh Nhi	27/07/2001	224	GV THCS - Ngữ văn	36.50			36.50
207	Vũ Trần Minh Thư	14/10/2003	226	GV THCS - Ngữ văn	80.50			80.50
208	Trần Thị Thanh Thuý	25/12/1997	227	GV THCS - Ngữ văn	85.50			85.50
209	Nguyễn Phan Thùy Trang	03/05/2000	228	GV THCS - Ngữ văn	85.25			85.25
210	Lê Nữ Hải Yến	18/05/2000	229	GV THCS - Ngữ văn	74.00			74.00
211	Phan Thị Huyền Trang	15/06/1992	230	GV THCS - GD CD	87.50			87.50
212	Huỳnh Tiến Đức	23/05/2003	231	GV THCS - KHTN (Sinh học)	55.00	ĐTU'T 2	5.0	60.00
213	Nguyễn Thị Nhân	05/05/1994	232	GV THCS - KHTN (Sinh học)	84.25			84.25
214	Huỳnh Thị Thanh Ni	09/08/2003	233	GV THCS - KHTN (Sinh học)	72.50			72.50
215	Nguyễn Lê Quốc Thạch	16/10/2003	234	GV THCS - KHTN (Sinh học)	87.50			87.50
216	Trần Quốc Tiến	23/08/1992	235	GV THCS - KHTN (Sinh học)	84.25			84.25
217	Võ Thị Thu Trang	24/07/1996	236	GV THCS - KHTN (Sinh học)	72.50			72.50
218	Chu Văn Quỳnh	03/08/1982	237	GV THCS - Công nghệ	58.50			58.50
219	Đình Trúc An	21/10/2003	238	GV THCS - Tiếng Anh	73.25			73.25
220	Hoàng Gia Anh	23/10/2003	239	GV THCS - Tiếng Anh	59.75			59.75
221	Trần Thị Mai Anh	19/10/2001	240	GV THCS - Tiếng Anh	73.25			73.25
222	Lê Việt Anh	29/03/2003	241	GV THCS - Tiếng Anh	68.00			68.00
223	Trần Thị Hoàng Anh	29/09/2002	242	GV THCS - Tiếng Anh	58.50			58.50
224	Nguyễn Lê Lam Anh	3/9/2001	243	GV THCS - Tiếng Anh	40.00			40.00
225	Vũ Thái Bình	5/10/2002	244	GV THCS - Tiếng Anh	85.25			85.25
226	Võ Minh Châu	27/02/1999	245	GV THCS - Tiếng Anh	63.75			63.75
227	Phan Thị Cúc	04/01/1992	246	GV THCS - Tiếng Anh	61.00	ĐTU'T 2	5.0	66.00
228	Đình Thị Ngọc Diệp	22/12/2003	247	GV THCS - Tiếng Anh	72.75			72.75
229	Phạm Vũ Trọng Đạt	01/08/2003	248	GV THCS - Tiếng Anh	87.00			87.00
230	Phạm Nguyễn Minh Đăng	09/11/1997	249	GV THCS - Tiếng Anh	83.00	ĐTU'T 3	2.5	85.50

231	Lâm Thanh Hà	23/11/2002	250	GV THCS - Tiếng Anh	91.75			91.75
232	Đỗ Thị Ngọc Hà	26/10/2000	251	GV THCS - Tiếng Anh	64.25			64.25
233	Nguyễn Trần Gia Hân	08/08/1999	252	GV THCS - Tiếng Anh	56.50			56.50
234	Lê Thị Thu Hằng	05/05/1987	253	GV THCS - Tiếng Anh	83.00			83.00
235	Nguyễn Thuý Hiền	24/11/2001	254	GV THCS - Tiếng Anh	60.00			60.00
236	Nguyễn Xuân Hiệp	30/07/2002	255	GV THCS - Tiếng Anh	55.00			55.00
237	Bùi Đình Hiếu	03/04/2003	256	GV THCS - Tiếng Anh	80.00			80.00
238	Vũ Ngọc Khánh Hoàng	08/7/2003	257	GV THCS - Tiếng Anh	84.00			84.00
239	Nguyễn Trần An Khang	21/10/2001	259	GV THCS - Tiếng Anh	93.00			93.00
240	Lê Võ Gia Khanh	21/10/2003	260	GV THCS - Tiếng Anh	67.75			67.75
241	Hứa Hoàng Khiết Linh	23/2/1995	262	GV THCS - Tiếng Anh	65.00			65.00
242	Lê Thị Thùy Linh	12/7/2003	264	GV THCS - Tiếng Anh	56.00			56.00
243	Trần Thị Thùy Linh	08/09/2002	265	GV THCS - Tiếng Anh	59.00			59.00
244	Ngô Vũ Cẩm Linh	22/4/1990	266	GV THCS - Tiếng Anh	65.75			65.75
245	Nguyễn Ngọc Mai	28/06/2002	268	GV THCS - Tiếng Anh	47.75			47.75
246	Nguyễn Thị Thanh Mai	13/02/2002	269	GV THCS - Tiếng Anh	78.75			78.75
247	Phạm Nguyệt Minh	07/01/2001	270	GV THCS - Tiếng Anh	60.00			60.00
248	Trương Thị Thúy Ngân	28/11/1999	271	GV THCS - Tiếng Anh	91.50			91.50
249	Lê Kim Ngân	24/01/2001	272	GV THCS - Tiếng Anh	61.75			61.75
250	Lê Trung Nguyên	25/10/2003	274	GV THCS - Tiếng Anh	47.75			47.75
251	Quang Kim Bảo Nhân	15/07/2002	275	GV THCS - Tiếng Anh	78.00			78.00
252	Nguyễn Yến Nhi	10/07/2003	276	GV THCS - Tiếng Anh	82.00			82.00
253	Trần Phương Yến Nhi	14/09/1998	277	GV THCS - Tiếng Anh	81.00			81.00
254	Ngô Thị Yến Nhi	12/1/2002	278	GV THCS - Tiếng Anh	73.75			73.75
255	Nguyễn Trần Hồng Nhung	04/10/2003	279	GV THCS - Tiếng Anh	82.25			82.25
256	Nguyễn Thị Hồng Nhung	24/06/2000	280	GV THCS - Tiếng Anh	57.50			57.50
257	Vũ Thị Quỳnh Như	24/01/2003	281	GV THCS - Tiếng Anh	46.50			46.50

258	Tôn Thị Châu Nương	13/04/1995	282	GV THCS - Tiếng Anh	70.00			70.00
259	Nguyễn Thiên Phú	20/05/1992	283	GV THCS - Tiếng Anh	61.75			61.75
260	Phạm Uy Uyên Phương	30/03/2002	284	GV THCS - Tiếng Anh	70.75			70.75
261	Phùng Khánh Quý	30/03/2003	285	GV THCS - Tiếng Anh	57.25			57.25
262	Phạm Huỳnh Ngọc Thanh	22/03/1993	287	GV THCS - Tiếng Anh	72.25	ĐTUT 2	5.0	77.25
263	Phạm Thị Tú Thanh	06/09/2001	288	GV THCS - Tiếng Anh	88.50			88.50
264	Trần Nguyễn Phương Thảo	11/11/2002	289	GV THCS - Tiếng Anh	66.50			66.50
265	Nguyễn Tâm Thắng	1/10/1999	290	GV THCS - Tiếng Anh	66.00			66.00
266	Quách Tấn Thi	14/10/2001	291	GV THCS - Tiếng Anh	67.50			67.50
267	Phạm Nguyễn Anh Thư	30/01/2003	292	GV THCS - Tiếng Anh	61.00			61.00
268	Nguyễn Phạm Anh Thư	4/5/2000	293	GV THCS - Tiếng Anh	85.75			85.75
269	Trần Thị Huyền Thương	22/3/1994	294	GV THCS - Tiếng Anh	64.25			64.25
270	Ngô Hà Thanh Thuý	30/06/1993	295	GV THCS - Tiếng Anh	75.00			75.00
271	Nguyễn Diệu Thúy	31/08/2003	296	GV THCS - Tiếng Anh	75.75			75.75
272	Nguyễn Mai Thy	29/11/2003	297	GV THCS - Tiếng Anh	95.00			95.00
273	Trần Thị Quỳnh Trang	03/05/1991	299	GV THCS - Tiếng Anh	55.75			55.75
274	Đào Đặng Hà Trang	16/03/1999	300	GV THCS - Tiếng Anh	81.75			81.75
275	Bùi Phạm Thảo Trang	06/08/2000	301	GV THCS - Tiếng Anh	54.75			54.75
276	Trần Thị Thanh Trâm	16/07/1993	303	GV THCS - Tiếng Anh	74.75			74.75
277	Vương Huyền Trâm	19/07/2002	304	GV THCS - Tiếng Anh	50.00			50.00
278	Trâm Thanh Trúc	29/05/2000	305	GV THCS - Tiếng Anh	66.75			66.75
279	Nguyễn Đỗ Thanh Trung	23/03/1982	306	GV THCS - Tiếng Anh	65.75			65.75
280	Lê Hồng Phương Uyên	10/06/1999	307	GV THCS - Tiếng Anh	43.50			43.50
281	Nguyễn Thị Yến Vy	11/04/2003	308	GV THCS - Tiếng Anh	80.00			80.00
282	Nghiêm Thị Thanh Xuân	31/10/2003	309	GV THCS - Tiếng Anh	76.75			76.75
283	Phùng Thị Yến	30/11/1996	310	GV THCS - Tiếng Anh	61.75	ĐTUT 2	5.0	66.75
284	Ngô Thị Kim Phụng	25/11/1986	311	GV Tiểu học - Tin học	54.00			54.00

285	Phạm Thị Ngọc Thảo	23/10/1987	312	GV Tiểu học - Tin học	78.50			78.50
286	Nguyễn Thị Vân	20/9/1982	313	GV Tiểu học - Tin học	62.00			62.00
287	Hà Nguyễn Lê Hoàng	16/11/1997	314	GV THCS - Tin học	69.50			69.50
288	Nguyễn Văn Lành	13/7/1999	317	GV THCS - (LS-ĐL) Lịch sử	77.75			77.75
289	Phạm Thị Thuỳ	24/08/1994	318	GV THCS - (LS-ĐL) Lịch sử	68.75			68.75
290	Phạm Hồng Đức	22/06/2002	319	GV Tiểu học - GDTC	75.85			75.85
291	Cáp Văn Hoàn	04/12/2002	320	GV Tiểu học - GDTC	72.60			72.60
292	Nguyễn Phan Huy Hoàng	07/02/1988	321	GV Tiểu học - GDTC	70.60			70.60
293	Nguyễn Đăng Khoa	01/04/1985	322	GV Tiểu học - GDTC	84.75			84.75
294	Trang Bích Liễu	25/08/1989	323	GV Tiểu học - GDTC	92.75			92.75
295	Từ Hành Sang	02/01/2003	324	GV Tiểu học - GDTC	62.50	ĐTUT 2	5.0	67.50
296	Lê Anh Tú	04/04/2002	325	GV Tiểu học - GDTC	76.25			76.25
297	Nguyễn Duy Huy	02/12/1988	326	GV THCS - GDTC	88.50			88.50
298	Ngô Thị Hồng Nhung	05/06/2000	327	GV THCS - GDTC	60.00			60.00
299	Phan Thị Nhung	12/08/1989	328	GV THCS - GDTC	72.00			72.00
300	Nguyễn Hồng Vinh	10/09/1993	329	GV THCS - GDTC	77.75			77.75
301	Đinh Thị Mai	06/02/1989	330	GV Tiểu học - Nghệ thuật (Âm nhạc)	75.75	Ưu tiên 2	5.0	80.75
302	Nguyễn Anh Đức	17/05/1986	331	GV THCS - Nghệ thuật (Âm nhạc)	54.00			54.00
303	Phạm Thị Hồng Nhật	02/01/1996	332	GV THCS - Nghệ thuật (Âm nhạc)	78.50			78.50
304	Nguyễn Thị Hồng Loan	05/01/1994	333	GV Tiểu học - Nghệ thuật (Mỹ thuật)	74.50			74.50
305	Trần Thị Thanh Tuyền	03/01/1999	334	GV Tiểu học - Nghệ thuật (Mỹ thuật)	68.50			68.50
306	Võ Thị Hạnh	23/10/1987	335	GV THCS - Nghệ thuật (Mỹ thuật)	58.50			58.50
307	Nguyễn Thị Kim Loan	23/09/1979	336	GV THCS - Nghệ thuật (Mỹ thuật)	57.50			57.50
308	Trịnh Thị Dung	05/03/1982	337	Nhân viên Văn thư	70.00			70.00
309	Nguyễn Thị Hồng Mến	17/10/1992	338	Nhân viên Văn thư	80.00			80.00
310	Trịnh Thanh Ngân	15/10/2000	339	Nhân viên Văn thư	70.00			70.00
311	Huỳnh Minh Phúc	22/10/1980	340	Nhân viên Văn thư	70.00			70.00

312	Bùi Thị Phương Thủy	15/03/1993	341	Nhân viên Văn thư	90.00			90.00
313	Nguyễn Văn Hoạch	15/10/1991	342	Nhân viên thư viện	64.00			64.00
314	Mai Thị Phương	10/05/1993	343	GV Tiểu học - Tổng phụ trách Đội	60.00			60.00
315	Lê Thị Hoài An	17/10/2001	344	Nhân viên Kế toán	40.00			40.00
316	Nguyễn Thị Ngọc Châu	7/2/1985	345	Nhân viên Kế toán	40.00			40.00
317	Hoàng Thị Cẩm Chung	6/9/1985	346	Nhân viên Kế toán	40.00			40.00
318	Vũ Thị Duyên	17/01/2002	347	Nhân viên Kế toán	80.00			80.00
319	Tổng Thị Hương Giang	23/12/1983	348	Nhân viên Kế toán	70.00			70.00
320	Lê Thị Lan Ngọc	27/04/1992	350	Nhân viên Kế toán	40.00			40.00
321	Trần Thị Thảo Oanh	22/2/1996	351	Nhân viên Kế toán	40.00			40.00
322	Bùi Minh Phương	27/10/1992	352	Nhân viên Kế toán	40.00			40.00
323	Văn Thị Phương Thảo	14/10/1982	353	Nhân viên Kế toán	90.00	ĐTUT 2	5.0	95.00
324	Dương Thị Thùy Linh	12/09/1990	357	Nhân viên Y tế	60.00			60.00
325	Lê Thị Thái Nam	10/12/1981	358	Nhân viên Y tế	70.00			70.00
326	Nguyễn Dương Thảo Nguyên	29/10/2003	359	Nhân viên Y tế	70.00	ĐTUT 2	5.0	75.00
327	Phạm Thị Nhung	15/08/1985	360	Nhân viên Y tế	55.00			55.00
328	Nguyễn Thị Thảo	26/08/1990	361	Nhân viên Y tế	90.00			90.00
329	Trần Thị Thanh Thảo	18/09/2002	362	Nhân viên Y tế	50.00			50.00
330	Hoàng Thị Yến	05/03/1990	363	Nhân viên Y tế	85.00			85.00

Đối tượng ưu tiên 2 (ĐTUT 2): Theo Mục 3.3, điểm b, Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 27/12/2025

Đối tượng ưu tiên 3(ĐTUT 3): Theo Mục 3.3, điểm c, Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 27/12/2025

Danh sách gồm 330 người.